TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính khóa 12

Môn: Phần III. Kỹ năng

Ngày thi: 20/9/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Phạm Mỹ An	7,10	Bảy phẩy một	39	Hà Quốc Khánh	5,40	Năm phẩy tư
2	Lâm Ngọc Biên	5,00	Năm	40	Phạm Gia Khánh	5,20	Năm phẩy hai
3	Nguyễn Minh Châu	6,20	Sáu phẩy hai	41	Hoàng Văn Khiêm	6,40	Sáu phẩy tư
4	Mông Hải Châu	5,00	Năm	42	Lương Thị Kiều	6,50	Sáu phẩy năm
5	Phạm Lô Chinh	6,10	Sáu phẩy một	43	Lưu Thị Kiều	7,00	Bảy
6	Lý Văn Công	5,00	Năm	44	Hoàng Thị Hương Lan	6,70	Sáu phẩy bảy
7	Đoàn Kim Cúc	8,90	Tám phẩy chín	45	Lãnh Thị Hương Lan	5,70	Năm phẩy bảy
8	Phương Thị Điệp	7,60	Bảy phẩy sáu	46	Đoàn Thị Lịch	7,00	Bảy
9	Lý Thị Điệp	5,80	Năm phẩy tám	47	Nông Thị Hồng Liên	6,40	Sáu phẩy tư
10	Hoàng Đức Độ	7,10	Bảy phẩy một	48	Lương Thị Liễu	8,30	Tám phẩy ba
11	Lục Văn Doanh	7,00	Bảy	49	Nguyễn Thúy Loan	7,00	Bảy
12	Nông Văn Đông	5,20	Năm phẩy hai	50	Nông Thanh Loan	6,90	Sáu phẩy chín
13	Lưu Minh Đức	6,40	Sáu phẩy tư	51	Đàm Thị Minh	6,70	Sáu phẩy bảy
14	Dương Đoàn Đức	6,20	Sáu phẩy hai	52	Hoàng Thị Nga	5,30	Năm phẩy ba
15	Nông Thị Dung	6,30	Sáu phẩy ba	53	Hà Huyền Nga	7,20	Bảy phẩy hai
16	Dương Hoài Dung	6,80	Sáu phẩy tám	54	Đinh Thị Ngọc Ngà	6,10	Sáu phẩy một
17	Lê Anh Dũng	5,00	Năm	55	Nông Trọng Nghĩa	5,90	Năm phẩy chín
18	Quan Văn Dũng	5,00	Năm	56	Hoàng Thị Oanh	6,10	Sáu phẩy một
19	Trần Triều Dương	7,50	Bảy phẩy năm	57	Dương Thị Phiến	7,00	Bảy
20	Ngô Thị Thùy Dương	5,00	Năm	58	Nông Công Phổ	5,70	Năm phẩy bảy
21	Bế Thị Thu Hà	5,50	Năm phẩy năm	59	Đàm Văn Phú	5,90	Năm phẩy chín
22	Triệu Văn Hà	7,00	Bảy	60	Phạm Viết Quân	5,40	Năm phẩy tư
23	Thẩm Thị Hai	6,40	Sáu phẩy tư	61	Văn Thị Như Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
24	Mạc Văn Hải	6,70	Sáu phẩy bảy	62	Hà Thế Thành	7,00	Bảy
25	Nông Thị Hằng	7,00	Bảy	63	Hứa Thị Thoa	7,50	Bảy phẩy năm
26	Lâm Thị Diễm Hạnh	7,10	Bảy phẩy một	64	Diêu Thị Thúy	5,00	Năm
27	Mã Thị Hiền	6,50	Sáu phẩy năm	65	Hoàng Xuân Thùy	6,00	Sáu
28	Hoàng Diệu Hòa	5,50	Năm phẩy năm	66	Lưu Văn Thủy	7,00	Bảy
29	Nông Khánh Hòa	5,60	Năm phẩy sáu	67	Đàm Lệ Thủy	5,60	Năm phẩy sáu
30	Đinh Đức Hoàn	5,00	Năm	68	Lê Thị Thủy	7,00	Bảy
31	Mông Ánh Hồng	5,90	Năm phẩy chín	69	Lục Văn Tiến	5,30	Năm phẩy ba
32	Hoàng Thị Huệ	5,60	Năm phẩy sáu	70	Đoàn Thị Thu Trang	6,90	Sáu phẩy chín

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
33	Nông Như Huệ	6,20	Sáu phẩy hai	71	Hoàng Quang Trung	7,20	Bảy phẩy hai
34	Bế Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	72	Triệu Hoàng Trường	5,30	Năm phẩy ba
35	Trần Quốc Huy	7,30	Bảy phẩy ba	73	Hoàng Thị Tuyến	5,00	Năm
36	Nguyễn Xuân Huyên	6,00	Sáu	74	Hứa Thị Tuyết	7,60	Bảy phẩy sáu
37	Luân Thị Huyền	6,20	Sáu phẩy hai	75	Nguyễn Thị Xuân	7,00	Bảy
38	Hoàng Thị Huỳnh	5,30	Năm phẩy ba	76	Mạc Quốc Huy	6,70	Sáu phẩy bảy

Điểm 5,00: 09 điểm; Điểm 5,20: 02 điểm; Điểm 5,30: 04 điểm; Điểm 5,40: 02 điểm; Điểm 5,50: 02 điểm; Điểm 5,60: 03 điểm; Điểm 5,70: 02 điểm; Điểm 5,80: 01 điểm; Điểm 5,90: 03 điểm; Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,10: 04 điểm; Điểm 6,20: 04 điểm; Điểm 6,30: 01 điểm; Điểm 6,40: 04 điểm; Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,70: 04 điểm; Điểm 6,80: 01 điểm; Điểm 6,90: 02 điểm; Điểm 7,00: 11 điểm; Điểm 7,10: 03 điểm; Điểm 7,20: 02 điểm; Điểm 7,30: 01 điểm; Điểm 7,50: 04 điểm; Điểm 7,60: 02 điểm; Điểm 8,30: 01 điểm; Điểm 8,90: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Thư	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG